

Số: **980** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **26** tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà Nguyễn Thị Kim Mưu
(địa chỉ: thôn Phước Nhơn, xã Phổ Nhơn,
thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; số Căn cước công dân 051156002451,
cấp ngày 28/4/2021, nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính
về trật tự xã hội)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại;

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thụ lý và giao Tổ công tác liên ngành thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim Mưu;

Căn cứ Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân công nhiệm vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Qua xem xét nội dung đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Kim Mưu; Báo cáo số 159/BC-TCTLN ngày 29/6/2022 của Tổ công tác liên ngành (theo Quyết định số 563/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh) và kết quả đối thoại ngày 15/6/2022, cho thấy quá trình diễn biến vụ việc như sau:

I. Nội dung khiếu nại

Bà Nguyễn Thị Kim Mưu khiếu nại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là Quyết định số 152), vì cho rằng UBND tỉnh cho thuê đất có chồng lấn toàn bộ

lên tổng diện tích đất bà Muu đang sử dụng là **3,86ha (38.600m²)**, gồm 10 thửa đất trên địa bàn các xã Phổ Nhơn, Phổ Phong, thị xã Đức Phổ: (1) thửa số 480, diện tích 18.167m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Ba Hắc 7, xã Phổ Phong; (2) thửa số 395, diện tích 2.920m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Trại Heo, xã Phổ Nhơn; (3) thửa số 97, diện tích 3.023m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Cây Gao, xã Phổ Nhơn; (4) thửa số 148, diện tích 2.946m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 3, đồng Đội 3, xã Phổ Nhơn; (5) thửa số 481, diện tích 675m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Ba Héc 7, xã Phổ Phong; (6) thửa số 322, diện tích 1.954m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 1, đồng Ba Liên, xã Phổ Phong; (7) thửa số 33, diện tích 4.288m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Ông Thuộc, xã Phổ Nhơn; (8) thửa số 206, diện tích 2.373m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Cơ Ba, xã Phổ Nhơn; (9) thửa số 351, diện tích 271m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Xường Đường, xã Phổ Nhơn; (10) thửa số 104, diện tích 1.986m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 3, xứ đồng Ông Phổ, xã Phổ Nhơn.

Bà Nguyễn Thị Kim Muu yêu cầu xem xét lại Quyết định số 152, hủy bỏ một phần Quyết định số 152 liên quan đến phần diện tích đất của bà đang sử dụng và công nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với 10 thửa đất nêu trên theo quy định của pháp luật đất đai.

II. Kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại

1. Tiền thân của Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi (nay là Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi, sau đây viết tắt là Công ty 24/3) là Nông trường 24/3 huyện Đức Phổ được UBND tỉnh Nghĩa Bình thành lập tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 30/12/1977. Năm 1990, UBND huyện Đức Phổ chủ trì, phối hợp với UBND xã Phổ Phong, xã Phổ Nhơn và Nông trường 24/3 tiến hành cắm cột mốc ranh giới giữa các xã với Nông trường 24/3 để phân định thẩm quyền ranh giới về đất đai. Năm 1990 - 1991, Đoàn điều tra cơ bản của Ban quản lý đất đai tỉnh đã tiến hành đo vẽ, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000 cho toàn bộ phần diện tích Nông trường 24/3 đang quản lý. Tại Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 08/12/1992 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Nông trường 24/3 được chuyển giao về cho Sở Nông lâm nghiệp quản lý, sau đó được sáp nhập với Lâm trường Đức Phổ để thành lập Nông trường 24/3 Quảng Ngãi. Sau đó, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty tại Quyết định số 2210/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 thì tổng diện tích đất là 709,44ha và được UBND tỉnh ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thuê diện tích 709,448ha, thời hạn thuê là 49 năm.

Qua kết quả xác minh cho thấy, tổng diện tích đất bà Nguyễn Thị Kim Muu khiếu nại là **38.603m²**, thuộc 10 thửa đất nhưng có phần diện tích **304m²** của 01 thửa đất, loại đất (SON), tờ bản đồ số 61, số thửa 26 (theo Bản

đo đạc năm 2006, chỉnh lý năm 2014) không nằm trong phần diện tích đất UBND tỉnh cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thuê đất tại Quyết định số 152 nên không thuộc đối tượng thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Do đó, diện tích đất bà Mưu khiếu nại thuộc đối tượng giải quyết khiếu nại lần đầu có diện tích là **38.299m²**, thuộc **10 thửa đất** trên địa bàn các xã Phổ Nhơn, Phổ Phong có nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng như sau:

- Thực hiện Quyết định số 327-CT ngày 15/9/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng “*về một số chủ trương, chính sách sử dụng đất trồng, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước*”, ngày 18/10/1993, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1810/QĐ-UB phê duyệt thiết kế trồng cây cao su theo Dự án 327 vùng Tây Đức Phổ với nội dung cơ bản: *Nhà nước hỗ trợ về vốn và dịch vụ kỹ thuật, các hộ được vận động đăng ký tham gia trồng cây cao su có đơn gửi UBND các xã xin nhận đất, nhận rừng.*

Bà Nguyễn Thị Kim Mưu là Công nhân Nông trường 24/3, ngày 25/10/1992 có đơn xin nhận đất, nhận rừng trồng cây cao su theo Dự án 327, với tổng diện tích đất là **18.167m²**, xã Phổ Phong (*Theo Bản đồ địa chính khu đất lập năm 2020 là thửa đất số 480, diện tích 18.167m² (BHK), tờ bản đồ số 1*); UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 07812 ngày 25/10/2016 cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi, sau này đã chỉnh lý tại trang 3 người sử dụng đất đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi vào ngày 07/02/2018. Khi thực hiện trồng cây cao su giữa Ban quản lý Dự án Nông trường 24/3 (*Ban quản lý Dự án*) và bà Nguyễn Thị Kim Mưu xác lập Hợp đồng kinh tế ngày 25/10/1992 (Hợp đồng không ghi số) về việc trồng cây cao su theo Dự án. Trong đó, xác định một số trách nhiệm của Ban quản lý Dự án là làm các thủ tục để cấp có thẩm quyền quyết định giao đất cho bà Mưu sử dụng lâu dài theo Dự án; đồng thời, bà Mưu cam kết thực hiện đúng khế ước vay vốn, phải hoàn trả vốn vay cho Nhà nước đúng số lượng và thời gian đã quy định. Ngày 25/9/1995, bà Mưu gửi đơn đến Kho bạc Quảng Ngãi và Ban quản lý Dự án xin vay vốn để sử dụng vào mục đích *chăm sóc cây cao su năm 1993 (trồng năm 1992) với diện tích 1,81ha*, tổng số tiền xin vay là **1.810.000** đồng. Theo đó, giữa Ban quản lý Dự án và bà Mưu xác lập 05 Khế ước vay tiền (Kiêm giấy nhận nợ)¹. Quá trình trồng và chăm sóc cây cao su thực hiện từ năm 1992 đến năm 2002 không có hiệu quả, UBND tỉnh thống nhất (*tại Thông báo số 30/TB-UB ngày 19/3/2002*) hủy toàn bộ diện tích cây cao su do các hộ công nhân nông trường

¹ Khế ước vay tiền (Kiêm giấy nhận nợ) lập ngày 25/9/1993, duyệt cho vay số tiền 1.810.000 đồng, với mục đích sử dụng tiền vay chăm sóc cây cao su năm 1993 (trồng năm 1992). Khế ước vay tiền (Kiêm giấy nhận nợ) lập ngày 01/6/1993, duyệt cho vay số tiền 6.711.270 đồng, với mục đích sử dụng khai hoang và trồng mới cây cao su 1992; Khế ước vay tiền (Kiêm giấy nhận nợ) lập ngày 25/9/1994, duyệt cho vay số tiền 1.810.000 đồng, với mục đích sử dụng chăm sóc cao su 1994 (trồng năm 1992); Khế ước vay tiền (Kiêm giấy nhận nợ) lập ngày 02/10/1995, duyệt cho vay số tiền 1.810.000 đồng, với mục đích sử dụng chăm sóc cao su 1995 (trồng năm 1992); Khế ước vay tiền (Kiêm giấy nhận nợ) lập ngày 10/01/1997, duyệt cho vay không ghi số tiền, với mục đích sử dụng chăm sóc cao su 1996.

và người dân thực hiện, khoan nợ vốn vay hoặc xóa nợ. Để có cơ sở khoan nợ, ngày 10/02/2003 Tổ kiểm kê (theo Quyết định số 307/QĐ-CT ngày 27/01/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh) kiểm kê lập Biên bản diện tích cây cao su bị thiệt hại của bà Mưu là **1.81ha**.

Khi chấm dứt dự án trồng cây cao su theo Dự án 327, theo Thông báo số 32/TB-UB ngày 21/04/2003 của UBND huyện Đức Phổ thì các hộ phải làm đơn xin nhận đất để trồng cây mía và cam kết trả nợ vay trồng cây cao su. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ bà Mưu không có đơn xin nhận đất trồng cây mía và cam kết trả nợ theo văn bản nêu trên, nhưng quá trình sử dụng, bà Mưu thực hiện theo kế hoạch sản xuất của Nông trường 24/3.

Sau khi chuyển sang trồng cây mía, bà Mưu có nộp sản lượng cho Nông trường từ năm 2010 đến năm 2017 (trong quá trình canh tác bà Nguyễn Thị Kim Mưu bị Nông trường 24/3 lập Biên bản làm việc ngày 08/4/2003 về việc sử dụng đất khoán không đúng mục đích; Biên bản làm việc ngày 29/8/2006 về việc xác định ranh giới và xử lý việc đào móc ngọn mía giống; ngày 17/01/2012 bà Mưu có đơn xin cải tạo đất gửi lãnh đạo Công ty 24/3). Từ tháng 7/2017 đến tháng 7/2019, Công ty 24/3 có nhiều thông báo đến bà Mưu (Thông báo số 163/TB-243AFC ngày 10/7/2017, Thông báo số 141/TB-243AFC ngày 17/7/2019), yêu cầu nộp các khoản phải thu trên đất nhận khoán đối với đất trồng cây mía và các khoản thu loại đất khác nhưng bà không đồng ý vì cho rằng toàn bộ diện tích đất bà đang canh tác không phải bà thuê của Công ty 24/3.

- Diện tích đất Ban quản lý Dự án giao cho bà Nguyễn Thị Kim Mưu trong thời gian chờ thu hoạch cây cao su, gồm **03 thửa, diện tích 8.889m²**, thuộc xã Phổ Nhơn: Đất canh tác để lấy ngắn nuôi dài trong thời gian chờ thu hoạch mủ cây cao su (đất thuần): (2) thửa số 395, diện tích 2.920m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 1, xứ đồng Trại Heo, xã Phổ Nhơn, GCNQSDĐ số CT 07909, CT07910 và 42m² đất thủy lợi; (3) thửa số 97, diện tích 3.023m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Cây Gạo, xã Phổ Nhơn, GCNQSDĐ số CT 07904; (4) thửa số 148, diện tích 2.946m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 3, xứ đồng Đội 3, xã Phổ Nhơn, GCNQSDĐ số CT 07951. Các thửa đất nêu trên UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi ngày 25/10/2016, hiện nay, đã chỉnh lý tại trang 3 người sử dụng đất đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi vào ngày 07/02/2018.

Qua xác minh thì nguồn gốc 03 thửa đất nêu trên là do Nông trường 24/3 chủ trương khai hoang trước đây (đối với đất Nông trường giao canh tác lấy ngắn nuôi dài trong thời gian chờ thu hoạch mủ cây cao su). Khi thực hiện dự án trồng cây cao su thì chủ trương của Nông trường 24/3 là giao các hộ để tự sản xuất, thu hoạch sản phẩm trong thời gian chờ thu hoạch mủ cây cao su (còn gọi là canh tác để lấy ngắn nuôi dài). Đối với thửa đất lúa giao đảm bảo lương thực (thể hiện tại Bảng thống kê diện tích ruộng sau khi phân

bỏ lại vào ngày 15/11/2004) cũng là đất Nông trường quản lý giao cho bà Mưu canh tác. Tuy nhiên, sau khi kết thúc dự án trồng cây cao su (năm 2002) thì bà Mưu vẫn tiếp tục canh tác và có nộp sản lượng cho Nông trường (Công ty 24/3) thể hiện tại các phiếu thu do Nhà máy Đường thu hộ. Riêng thửa đất lúa giao đảm bảo lương thực Công ty 24/3 không thu sản lượng.

- Diện tích đất bà Nguyễn Thị Kim Mưu cho rằng khai hoang nhưng không cung cấp tài liệu chứng minh từ các năm 1982, 1983, 1984, 1985, 1993, gồm **6 thửa đất, diện tích 11.243m²**, cụ thể: (5) thửa số 481, diện tích 371m² (CLN), tờ bản đồ số 1, xã Phở Phong, GCNQSDĐ số CT 07812; (6) thửa số 322, diện tích 1.954m² (CLN), tờ bản đồ số 1, Phở Phong, GCNQSDĐ số CT 07817; (7) thửa số 33, diện tích 4.288m² (CLN), tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhon, GCNQSDĐ số CT 07897; (8) thửa số 206, diện tích 2.373m² (CLN), tờ bản đồ số 2, xã Phở Nhon, GCNQSDĐ số CT07919; (9) thửa số 351, diện tích 271m², loại đất CLN, tờ bản đồ số 2, xứ đồng Xường Đường, xã Phở Nhon, GCNQSDĐ số CT 07914; (10) thửa số 104, diện tích 1.986m², loại đất BHK, tờ bản đồ số 3, xứ đồng ông Phở, xã Phở Nhon, GCNQSDĐ số CT 07946, CT05939 (trong đó có 725m² đất thủy lợi). Tất cả các thửa đất nêu trên đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi ngày 25/10/2016; hiện nay, đã chỉnh lý tại trang 3 người sử dụng đất đổi tên thành Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi vào ngày 07/02/2018.

Liên quan đến diện tích 06 thửa đất nêu trên, quá trình xác minh cho thấy, đây là diện tích đất hoang nhưng thuộc phạm vi quản lý của Nông trường để làm bờ chống cháy, đường đi trong quá trình sản xuất,... Tuy nhiên, khi bà Mưu khai hoang Nông trường trước đây cũng như về sau là Công ty chưa có biện pháp ngăn chặn kịp thời và cũng không báo chính quyền địa phương để xử lý. Đến ngày 16/7/2010, Công ty tổ chức họp và lập Biên bản có nội dung: *“Nông trường 24/3 cũ trước đây kể từ khi thành lập năm 1977 đến nay không có chủ trương cho bất cứ một cá nhân nào khai hoang trên đất nông trường. Những diện tích ngoài diện tích giao khoán là dân tự chiếm các bờ lô, bờ thửa, bờ chống cháy, chống xói mòn, ...chứ không phải đất khai hoang”*.

Với lại, ngày 16/8/2011, bà Mưu có đơn gửi đến UBND xã Phở Nhon, Công ty 24/3 xin giao khoán đất nông lâm nghiệp diện tích **30.950m²** (Đất trồng cây hàng năm và trồng cây lâu năm) nhưng Công ty 24/3 chưa thực hiện lập hợp đồng giao khoán theo quy định tại Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ, thể hiện bà Nguyễn Thị Kim Mưu thời điểm này là nhân viên Công ty 24/3 nên biết rõ về nguồn gốc đất bà đang canh tác là của Công ty 24/3.

2. Qua kiểm tra thực tế, đối chiếu với điểm mốc xác định ranh giới giữa Công ty 24/3 và xã Phở Nhon, xã Phở Phong qua từng giai đoạn ((năm 1990 (Biên bản cắm mốc giới năm 1990), năm 2014 (Công ty TNHH ứng dụng dịch

vụ trắc địa Bình Tiến thực hiện (Bản đồ đo vẽ năm 2014 đã được thẩm định)) thì **10 thửa đất**, có **tổng diện tích 38.229m²** mà bà Mưu đang canh tác thuộc đối tượng giải quyết khiếu nại lần đầu đều nằm trong phạm vi ranh giới đất Nông trường 24/3 quản lý, sử dụng trước đây và sau này là Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi.

III. Kết quả đối thoại

Tại buổi đối thoại ngày 15/6/2022, Tô trưởng Tô công tác liên ngành (được Chủ tịch UBND tỉnh phân công theo Công văn số 2691/UBND-NC ngày 03/6/2022) gặp gỡ, đối thoại với bà Nguyễn Thị Kim Mưu (người khiếu nại) và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Tại buổi đối thoại bà Nguyễn Thị Kim Mưu không đến, ủy quyền cho người đại diện là bà Nguyễn Thị Hoa tham gia, đã được công khai kết quả thẩm tra, xác minh, các căn cứ giải quyết khiếu nại cùng với toàn bộ tài liệu, chứng cứ liên quan. Các thành phần tham dự đều thống nhất về nội dung diễn biến vụ việc và kết quả báo cáo xác minh. Về phía người khiếu nại bà Hoa thống nhất với **phần diện tích đất 304m²** nằm ngoài Quyết định số 152 như đã trình bày tại báo cáo, các nội dung khiếu nại khác vẫn bảo lưu nội dung trình bày trước đây được Chủ tịch UBND tỉnh thụ lý; đồng thời, bổ sung nội dung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi liên quan đến diện tích đất bà Mưu khiếu nại, nhưng bà Hoa không cung cấp giấy tờ gì chứng minh nội dung khiếu nại.

IV. Kết luận

- Đối với **diện tích 18.167m², thửa đất số 480** mà bà Nguyễn Thị Kim Mưu nhận trồng cây cao su có đơn xin nhận đất, nhận rừng trồng cây cao su theo Dự án và Hợp đồng với Ban quản lý Dự án, thời gian sử dụng đất theo dự án trồng cây cao su. Sau Dự án kết thúc năm 2002, do không hiệu quả, diện tích đất trồng cây cao su được chuyển sang trồng cây mía theo chủ trương của UBND tỉnh. Ngày 21/04/2003, UBND huyện Đức Phổ ban hành Thông báo số 32/TB-UB có nêu người dân nhận đất trồng cây cao su trước đây, nếu muốn tiếp tục sử dụng phải làm đơn xin nhận đất để trồng cây mía và cam kết trả nợ vay trồng cây cao su. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ bà Nguyễn Thị Kim Mưu không có đơn như nội dung của Thông báo yêu cầu, nhưng quá trình sử dụng, bà vẫn thực hiện theo kế hoạch sản xuất của Nông trường 24/3 và nộp sản lượng cho Nông trường và năm 2011 bà Mưu có đơn gửi UBND xã Phổ Nhơn, Công ty 24/3 xin nhận khoán đất nông lâm nghiệp, trong đó có diện tích đất nêu trên. Từ đó cho thấy bà Mưu đã biết và thừa nhận là đất của Nông trường (về sau là Công ty). Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; khoản 4, khoản 5 Điều 19, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì **thửa đất số 480, diện tích 18.167m²**, loại đất BHK, tờ bản

đồ số 1, xã Phở Phong không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim Mưu.

- Đối với diện tích **8.889m²**, gồm **03 thửa đất thuần** mà Ban quản lý Dự án giao bà Nguyễn Thị Kim Mưu sản xuất: Đây là đất Nông trường 24/3 khai hoang trước đây, Nông trường 24/3 giao cho gia đình bà Mưu sử dụng để sản xuất trong khi chờ thu hoạch mủ cây cao su, không phải đất bà Mưu tự khai hoang. Căn cứ khoản 4, 5 Điều 19, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai thì **diện tích đất 8.889m²** thuộc **03 thửa đất** (gồm: thửa số 395, diện tích 2.920m²; thửa số 97, diện tích 3.023m²; thửa số 148, diện tích 2.946m²) không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim Mưu.

- Đối với diện tích **11.547m²**, thuộc **06 thửa đất** mà bà Nguyễn Thị Kim Mưu cho rằng đã khai hoang các năm các năm 1982, 1983, 1984, 1985, 1993 nhưng qua làm việc bà không có hồ sơ cung cấp chứng minh thời điểm khai hoang như trình bày; hơn nữa đây là khu vực đất Nông trường 24/3 quản lý để làm bờ lô, bờ thửa, chống cháy, giao thông, ... trong quá trình sản xuất, lẽ ra khi bà Mưu khai hoang trái phép thì Nông trường phải có biện pháp xử lý theo quy định pháp luật, nhưng Nông trường không lập biên bản xử lý, từ đó dẫn đến bà Mưu cho rằng đất do bà khai hoang không vi phạm, sử dụng ổn định là không có cơ sở. Căn cứ quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 1987, Điều 6 Luật Đất đai năm 1993 thì việc bà Mưu tự ý chiếm đất (khai hoang) là vi phạm luật đất đai (Điều 2 Nghị định số 04-CP ngày 10/01/1997 của Chính phủ, điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 182/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai), do vậy, diện tích **11.547m²**, thuộc **06 thửa đất** (thửa số 481, diện tích 371m²; thửa số 322, diện tích 1954m²; thửa số 33, diện tích 4288m²; thửa số 206, diện tích 2373m²; thửa số 351, diện tích 271m²; thửa số 104, diện tích 1.986m²), không đủ điều kiện công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim Mưu.

- Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Kim Mưu khiếu nại và yêu cầu xem xét điều chỉnh lại Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi chồng lấn diện tích đất bà Mưu đang sử dụng là hoàn toàn không có căn cứ và cũng vì vậy, khi đo đạc cũng không phải thực hiện theo quy định tại Điều 53 Luật Đất đai năm 2013. Vì diện tích đất 709,44ha đã được UBND tỉnh cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thuê tại Quyết định 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 là trên cơ sở kết quả cắm mốc, đo đạc đường ranh giới, đo lập bản đồ địa chính, bản đồ ranh giới sử dụng đất do Công ty TNHH ứng dụng dịch vụ trắc địa Bình Tiên thực hiện (Bản đồ đo vẽ năm 2014 đã được thẩm định), các mốc này trên cơ sở thống nhất lấy mốc giới được cắm vào năm 1990 giữa các xã Phở Phong, Phở Nhơn với Nông

trường 24/3 để phân định thẩm quyền quản lý; qua phân tích, đánh giá tại phần II Quyết định này thì **10 thửa đất, diện tích 38.299m²** mà bà Muru khiếu nại không thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Nguyễn Thị Kim Muru mà toàn bộ do Nông trường 24/3 quản lý; do vậy, diện tích đất UBND tỉnh cho Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thuê đất tại Quyết định số 152 không có phần đất do bà Nguyễn Thị Kim Muru được quyền sử dụng. Căn cứ quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật Đất đai năm 2013 thì trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh là đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, toàn bộ khiếu nại, yêu cầu giải quyết cho gia đình bà Nguyễn Thị Kim Muru được hưởng quyền lợi đối với 10 thửa đất nêu trên theo quy định Luật Đất đai năm 2013 là không có căn cứ.

Từ những nhận định và căn cứ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Không công nhận khiếu nại yêu cầu của bà Nguyễn Thị Kim Muru đối với các nội dung: Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Kim Muru đối với **10 thửa đất, có tổng diện tích 38.299m²** tại các xã Phổ Phong, Phổ Nhơn, thị xã Đức Phổ và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi. Đồng thời, giữ nguyên Quyết định số 152/QĐ-UBND ngày 24/3/2016 của UBND tỉnh về việc cho thuê đất đối với Công ty TNHH MTV Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi đối với phần diện tích **38.299m²** nêu trên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ có trách nhiệm tổ chức công khai nội dung giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định của pháp luật và giao Quyết định này cho bà Nguyễn Thị Kim Muru trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này; báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường kết quả tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này, tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh kết quả thực hiện.

Điều 3. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này, nếu bà Nguyễn Thị Kim Muru không đồng ý thì có quyền khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ, Chủ tịch UBND các xã Phổ Nhơn, Phổ Phong, Giám đốc Công ty Cổ phần Nông lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan và bà Nguyễn Thị Kim Mừu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Tiếp công dân Trung ương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Thị ủy Đức Phổ;
- VPUB: PCVP (TD), KTN, TCD, CBTH;
- Lưu: VT, NCH397

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hoàng Tuấn